

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010



Ninh Bình, tháng 03 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 – 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Kế Tấn	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Việt	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Khôi	Thành viên
Ông Nguyễn Thọ Tiệm	Thành viên

Ban Giám đốc điều hành

Ông Phạm Ngọc Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hoàng Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Thuỷ Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tống Đức Chính	Phó Tổng Giám đốc - bổ nhiệm từ ngày 01/05/2010

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Lương Quang Việt.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Ban Giám đốc điều hành khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn tài chính này. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15/01/2010.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Ngọc Hòa

Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 08 tháng 03 năm 2011



Số: /2011/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010*

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính của công ty được lập ngày 08 tháng 03 năm 2011, trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Minh Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0666/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		250.050.136.358	203.073.885.962
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.325.460.072	21.630.552.176
Tiền	111		45.325.460.072	21.630.552.176
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.011.478.995	40.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.011.478.995	40.000.000.000
Các khoản phải thu	130		137.671.513.716	91.433.427.892
Phải thu khách hàng	131		128.656.077.131	86.465.167.159
Trả trước cho người bán	132		19.624.128	149.171.344
Các khoản phải thu khác	135	V.3	8.995.812.457	4.819.089.389
Hàng tồn kho	140		56.636.157.137	49.585.714.910
Hàng tồn kho	141	V.4	57.123.735.603	49.585.714.910
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(487.578.466)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		405.526.438	424.190.984
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		387.026.438	289.512.984
Tài sản ngắn hạn khác	158		18.500.000	134.678.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.040.108.152	56.012.000.801
Tài sản cố định	220		33.540.108.152	53.503.667.334
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	29.146.960.658	35.502.903.253
- Nguyên giá	222		414.879.898.992	414.233.541.043
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(385.732.938.334)	(378.730.637.790)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	4.393.147.494	18.000.764.081
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		-	8.333.467
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	8.333.467
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		286.090.244.510	259.085.886.763

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		87.810.814.623	80.704.230.549
Nợ ngắn hạn	310		86.452.638.766	79.612.944.951
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	290.000.000	-
Phải trả người bán	312		40.411.091.831	15.545.789.512
Người mua trả tiền trước	313		-	100.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	10.267.003.992	18.678.915.129
Phải trả người lao động	315		11.981.219.492	9.492.736.431
Chi phí phải trả	316	V.10	4.633.305.387	18.025.451.074
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	4.437.071.029	7.434.795.427
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14.432.947.035	10.435.157.378
Nợ dài hạn	330		1.358.175.857	1.091.285.598
Vay và nợ dài hạn	334		-	470.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.285.207.681	621.285.598
Doanh thu chưa thực hiện	338		72.968.176	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		198.279.429.887	178.381.656.214
Vốn chủ sở hữu	410	V.12	198.279.429.887	178.381.656.214
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.655.000.000	128.655.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.965.761.868	1.831.011.427
Quỹ đầu tư phát triển	417		26.127.406.056	2.899.337.981
Quỹ dự phòng tài chính	418		8.941.663.823	5.296.191.311
Lợi nhuận chưa phân phối	420		29.589.598.140	39.700.115.495
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		286.090.244.510	259.085.886.763



Phạm Ngọc Hòa
Tổng Giám đốc
Ninh Bình, ngày 08 tháng 03 năm 2011

Lương Quang Việt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.13	613.859.747.365	509.004.508.451
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.13	613.859.747.365	509.004.508.451
Giá vốn hàng bán	11	V.14	490.953.849.467	410.306.356.188
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		122.905.897.898	98.698.152.263
Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.15	4.171.879.533	2.719.472.870
Chi phí tài chính	22		60.639.000	35.839.700
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		60.639.000	35.839.700
Chi phí bán hàng	24	V.16	472.460.450	434.465.975
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.17	30.737.323.951	27.110.313.928
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		95.807.354.030	73.837.005.530
Thu nhập khác	31	V.18	7.355.839.465	6.794.987.650
Chi phí khác	32	V.19	5.933.854.171	5.262.406.136
Lợi nhuận khác	40		1.421.985.294	1.532.581.514
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		97.229.339.324	75.369.587.044
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		24.319.889.086	18.785.396.761
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		72.909.450.238	56.584.190.283
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.20	5.667	4.398



Phạm Ngọc Hòa
Tổng Giám đốc
Ninh Bình, ngày 08 tháng 03 năm 2011


Lương Quang Việt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	01		97.229.339.324	75.369.587.044
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7.858.838.411	35.130.053.816
- Các khoản dự phòng	03		1.151.500.549	912.839.524
- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05		(5.593.864.827)	(4.252.054.384)
- Chi phí lãi vay	06		60.639.000	35.839.700
<i>Lưu chuyển tiền thuần trước những thay đổi của vốn lưu động</i>	08		100.706.452.457	107.196.265.700
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(46.121.907.824)	(34.293.694.391)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		7.538.020.693	(586.136.363)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11		927.012.194	(29.161.914.989)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		89.179.987	23.119.695
- Lãi vay đã trả	13		(60.639.000)	(35.839.700)
- Thuế TNDN đã nộp	14		(22.008.995.117)	(9.018.198.741)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15		62.813.473	201.468.304
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		(9.819.360.700)	(16.153.293.384)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	20		31.312.576.163	18.171.776.131
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.832.867.455)	(8.855.398.326)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	193.241.667
Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác	23		(10.591.588.995)	(40.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40.580.110.000	5.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.171.879.533	2.719.472.870
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		32.327.533.083	(40.942.683.789)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu do đi vay	33		-	470.000.000
Tiền đã trả nợ vay	34		(180.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(39.765.201.350)	(13.789.194.729)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(39.945.201.350)	(13.319.194.729)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		23.694.907.896	(36.090.102.387)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		21.630.552.176	57.720.654.563
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70		45.325.460.072	21.630.552.176



Phạm Ngọc Hòa
Tổng Giám đốc
 Ninh Bình, ngày 08 tháng 03 năm 2011

Lương Quang Việt
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31/12/2007.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 128.655.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./.*), chia thành 12.865.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Cổ đông vốn Nhà nước nắm giữ 7.045.440 cổ phần tương ứng với 70.454.400.000 đồng, chiếm 54,8% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 5.820.060 cổ phần, tương ứng với 58.200.600.000 đồng, chiếm 45,2% vốn điều lệ.

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm

- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng; tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình;
- Lắp đặt hệ thống điện (đường dây và trạm biến áp);
- Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình bài được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2009.

2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời.

5. TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Công ty ghi nhận khoản đầu tư dài hạn khác theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận được chia sau ngày phát sinh các khoản đầu tư này được hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Các khoản khác mà công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35
Máy móc thiết bị sản xuất	7 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

Từ năm 2010, Công ty đã thực hiện chuyển thời gian tính khấu hao của một số tài sản để phù hợp với khung khấu hao được quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 thay thế cho Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003.

8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: Chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

9 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán, đầu năm sau ghi bút toán đảo để xóa số dư.

10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả là các khoản chi phí chưa phát sinh thực tế nhưng có liên quan đến kỳ báo cáo chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định. Đối với Tài sản cố định là thiết bị, phương tiện chuyên ngành có quy định kỹ thuật về sửa chữa định kỳ được Công ty trích trước chi phí sửa chữa và hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ trên tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và quyết toán theo số thực tế phát sinh tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ***Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được xác định hàng tháng căn cứ vào biên bản bàn giao sản lượng điện giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình với Công ty Mua bán điện (được Tập đoàn Điện lực Việt Nam ủy quyền) và giá bán điện thỏa thuận trên hợp đồng mua bán điện số 01-2006/NBPTC-EVN là 617,82 đồng/Kwh và được điều chỉnh theo giá nhiên liệu đầu vào dùng cho sản xuất điện.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các liên doanh mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp, ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ tài chính về việc ban hành và công bố 06 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4).

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả của Cơ quan Thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	195.555.900	231.059.300
Tiền gửi ngân hàng	35.129.904.172	21.399.492.876
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.000.000.000	-
Cộng	45.325.460.072	21.630.552.176

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Công thương Việt Nam tỉnh Ninh Bình, lãi suất 11,2% năm.

2 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (*)	10.011.478.995	-
Ngân hàng Công Thương tỉnh Ninh Bình	-	25.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	-	15.000.000.000
Cộng	10.011.478.995	40.000.000.000

(*) Khoản tiền uỷ thác đầu tư theo Hợp đồng Uỷ thác đầu tư số 10/HĐUT/TCB ngày 07/05/2010 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Ninh Bình với Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình. Kỳ hạn 06 tháng kể từ ngày 10/08/2010 đến ngày 10/02/2011, lãi suất 11.2%/năm.

3 CÁC KHOẢN PHẢI PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	85.205.397	-
Bảo hiểm y tế	15.149.200	38.241.292
Phải thu khác	8.895.457.860	4.780.848.097
+ Ban Quản lý Dự án 300MW	7.239.188.304	3.783.152.087
+ Thuế thu nhập cá nhân	135.984.800	110.704.949
+ Lãi tiền cho vay	647.111.110	626.120.738
+ Phân xưởng phụ	650.747.676	27.180.000
+ Tiền ăn ca	63.094.000	-
+ Phải thu khác	159.331.970	233.690.323
Cộng	8.995.812.457	4.819.089.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

4 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.113.720.846	1.146.157.336
Nguyên vật liệu	55.175.482.371	47.592.863.385
Công cụ dụng cụ	433.266.129	470.604.676
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	257.275.114	287.475.016
Thành phẩm tồn kho	108.935.363	88.614.497
Hàng hoá	35.055.780	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	57.123.735.603	49.585.714.910
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(487.578.466)	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	56.636.157.137	49.585.714.910

5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư Tài sản cố định	205.726.909	182.410.909
+ Công trình xưởng tuyển tro xỉ	205.726.909	182.410.909
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	4.187.420.585	17.818.353.172
+ Trùng tu tuabin số 1	4.187.420.585	-
+ Đại tu máy biến áp	-	1.577.700.000
+ Đại tu các thiết bị cung cấp nhiên liệu	-	1.972.926.622
+ Đại tu lò hơi số 2	-	8.600.330.050
+ Đại tu tua bin số 2	-	3.241.109.381
+ Đại tu hệ thống thải xỉ	-	1.146.095.083
+ Trùng tu nhà công vụ 5 tầng	-	691.500.000
+ Đại tu hệ thống tuần hoàn	-	251.223.252
+ Trùng tu nhà công vụ 3 tầng	-	245.000.000
+ Đại tu thiết bị gia công cơ khí	-	92.468.784
Cộng	4.393.147.494	18.000.764.081

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2010	77.415.789.932	320.867.878.377	13.562.238.283	2.387.634.451	414.233.541.043
Tăng do mua mới	-	386.202.000	76.018.000	254.486.000	716.706.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	1.092.845.455	-	1.092.845.455
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.034.847.777)	-	(98.267.888)	(1.133.115.665)
Giảm khác	(30.077.841)	-	-	-	(30.077.841)
31/12/2010	77.385.712.091	320.219.232.600	14.731.101.738	2.543.852.563	414.879.898.992
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2010	54.535.725.023	312.754.046.919	9.399.154.202	2.041.711.646	378.730.637.790
Trích khấu hao trong năm	4.494.831.807	1.998.069.389	1.130.233.725	235.703.490	7.858.838.411
Thanh lý, nhượng bán	-	(758.269.979)	-	(98.267.888)	(856.537.867)
31/12/2010	59.030.556.830	313.993.846.329	10.529.387.927	2.179.147.248	385.732.938.334
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2010	22.880.064.909	8.113.831.458	4.163.084.081	345.922.805	35.502.903.253
31/12/2010	18.355.155.261	6.225.386.271	4.201.713.811	364.705.315	29.146.960.658

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 275.558.928.352 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**7 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc theo Nghị quyết của HĐQT Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Bản cam kết góp vốn số 137/NĐNB-TCLĐ ngày 23/02/2008 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình với số tiền là 2.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn), tương ứng với 5% vốn điều lệ của Công ty này.

8 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Là khoản vay cá nhân tại Phân xưởng phụ, sẽ hoàn trả gốc vào tháng 06/2011.

9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.036.544.775	2.624.797.462
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.040.882.657	15.729.988.688
Thuế thu nhập cá nhân	22.060.000	97.904.949
Thuế tài nguyên	167.516.560	226.224.030
Cộng	10.267.003.992	18.678.915.129

10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản (*)	4.187.420.588	17.818.353.175
Trích trước chi phí phải trả khác	445.884.799	207.097.899
Cộng	4.633.305.387	18.025.451.074

(*) Là khoản trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định đã được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

11 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	-	37.762.550
Bảo hiểm xã hội	-	162.011.269
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.437.071.029	7.235.021.608
+ Phải trả về tiền Văn phòng Dự án	2.899.863.781	2.929.941.622
+ Lãi mua cổ phiếu	479.796.718	564.658.018
+ Cổ tức trả cho cổ đông chưa lưu ký	391.201.000	-
+ Tiền sửa độc hại	238.762.713	-
+ Quỹ ủng hộ người nghèo	209.702.044	-
+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam về tài sản tạm tăng	159.517.573	2.198.629.972
+ Bảo lãnh cung cấp thiết bị	57.900.000	8.000.000
+ Tiền đền bù, di dời Nhà máy	-	1.518.844.379
+ Phải trả khác	327.200	14.947.617
Cộng	4.437.071.029	7.434.795.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 128.655.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn./), chia thành 12.865.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết như sau:

TT	Cổ đông	31/12/2010		01/01/2010	
		Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	70.454.400.000	54,8%	70.454.400.000	54,8%
2	Cổ đông khác	58.200.600.000	45,2%	58.200.600.000	45,2%
	Cộng	128.655.000.000	100,0%	128.655.000.000	100,0%

12.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	128.655.000.000	128.655.000.000
+ Vốn góp đầu năm	128.655.000.000	128.655.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	128.655.000.000	128.655.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	39.765.201.350	29.319.185.525

(*) Số cổ tức thực trả bằng tiền trong năm.

12.3 Cổ phiếu

	31/12/2010 CP	01/01/2010 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.865.500	12.865.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.865.500	12.865.500
Trong đó		
Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	12.865.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Trong đó		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.865.500	12.865.500
Trong đó		
Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	12.865.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**12 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****12.4 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2009	128.655.000.000	1.806.011.427	660.970.370	2.466.981.797	23.751.948.793	157.340.912.387
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	56.584.190.283	56.584.190.283
Kết chuyển hình thành TSCĐ		25.000.000	(25.000.000)	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	2.263.367.611	2.829.209.514	(11.316.838.056)	(6.224.260.931)
Tạm chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	(29.319.185.525)	(29.319.185.525)
31/12/2009	128.655.000.000	1.831.011.427	2.899.337.981	5.296.191.311	39.700.115.495	178.381.656.214
01/01/2010	128.655.000.000	1.831.011.427	2.899.337.981	5.296.191.311	39.700.115.495	178.381.656.214
Lãi trong năm	-	-	-	-	72.909.450.238	72.909.450.238
Tăng khác {a}	-	1.094.932.027	-	-	-	1.094.932.027
Trích lập các quỹ năm 2009 {b}	-	-	3.395.051.417	-	(2.263.367.611)	1.131.683.806
Kết chuyển hình thành TSCĐ		2.039.818.414	(2.039.818.414)	-	-	-
Trả cổ tức năm 2009 {b}	-	-	-	-	(34.780.831.600)	(34.780.831.600)
Tạm trích lập các quỹ năm 2010 {c}	-	-	21.872.835.072	3.645.472.512	(40.600.197.632)	(15.081.890.048)
Tạm trả cổ tức năm 2010 {c}	-	-	-	-	(5.375.570.750)	(5.375.570.750)
31/12/2010	128.655.000.000	4.965.761.868	26.127.406.056	8.941.663.823	29.589.598.140	198.279.429.887

{a} Tăng nguồn vốn hình thành Tài sản theo Công văn số 150/CV-NBTPC-THDA ngày 31/05/2010 của Tập đoàn Điện lực cho phép sử dụng từ nguồn tiền đền bù giải phóng mặt bằng của dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình 2.

{b} Bổ sung thêm các quỹ từ Lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2009 theo Nghị Quyết số 230/NQĐHĐCĐ/2010-NBTPC của Đại hội đồng Cổ đông ngày 22/04/2010.

{c} Tạm phân phối Lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo Quyết định số 4091/NBTPC-TCLĐ ngày 17/11/2010 của Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

13 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	613.859.747.365	509.004.508.451
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng	613.415.533.449	508.920.110.817
<i>Doanh thu bán điện</i>	<i>605.320.518.699</i>	<i>498.212.755.651</i>
<i>Doanh thu bán sản phẩm khác</i>	<i>8.095.014.750</i>	<i>10.707.355.166</i>
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	444.213.916	84.397.634
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	613.859.747.365	509.004.508.451

14 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	483.148.737.422	399.382.696.610
Giá vốn hoạt động khác	7.485.882.936	10.851.474.735
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	319.229.109	72.184.843
Cộng	490.953.849.467	410.306.356.188

15 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.171.879.533	2.419.472.870
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	300.000.000
Cộng	4.171.879.533	2.719.472.870

16 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí vật liệu	156.124.195	149.048.217
Chi phí hàng hoá, dịch vụ mua ngoài	244.489.960	213.376.904
Chi phí bằng tiền khác	71.846.295	72.040.854
Cộng	472.460.450	434.465.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****17 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.919.712.406	15.704.516.922
Chi phí vật liệu quản lý	217.015.254	201.576.395
Chi phí đồ dùng văn phòng	407.731.560	269.217.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.618.620.856	2.193.590.192
Thuế và các khoản lệ phí	1.096.634.711	1.248.786.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài và dự phòng	2.283.775.707	1.767.108.915
Chi phí khác bằng tiền	4.659.751.681	3.334.314.312
Chi phí khác	4.534.081.776	2.391.202.678
Cộng	30.737.323.951	27.110.313.928

18 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu từ các khoản chi Ban QLDA NMNĐ Ninh Bình 2	4.425.573.614	3.731.476.561
Doanh thu bán xỉ	1.708.366.696	2.422.844.939
Thu do nhượng bán, phế liệu	765.836.800	193.241.667
Tiền bán hồ sơ thầu	18.181.824	104.059.451
Lệ phí cảng	88.756.382	121.900.868
Thu từ cho thuê ca xe	349.124.149	79.567.436
Thu nhập khác	-	141.896.728
Cộng	7.355.839.465	6.794.987.650

19 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí cho Ban QLDA NM Nhiệt điện Ninh Bình 2	4.425.573.614	3.572.996.561
Chi phí cho tổ vận tro xỉ	923.024.800	722.577.500
Chi do thanh lý tài sản, phế liệu	297.085.798	707.578.308
Chi phí cho thuê ca xe	126.074.069	144.272.821
Lệ phí cảng	81.667.500	-
Chi phí hồ sơ thầu	53.217.900	-
Các khoản chi khác	27.210.490	114.980.946
Cộng	5.933.854.171	5.262.406.136

20 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010 CP	Năm 2009 CP
Lợi nhuận sau thuế	72.909.450.238	56.584.190.283
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho các Cổ đông phổ thông	72.909.450.238	56.584.190.283
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	12.865.500	12.865.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.667	4.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Trong kỳ, các nghiệp vụ và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

1.1 Các giao dịch với bên liên quan

<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.425.573.614	3.732.004.329
Trong đó:		
- Bán điện cho Văn phòng Dự Án	-	527.768
- Dịch vụ cung cấp cho Ban quản lý Dự án	4.425.573.614	3.731.476.561
Bán điện cho Công ty Mua bán điện	605.121.263.502	498.046.891.314
Cộng	609.546.837.116	501.778.895.643

1.2 Số dư với bên liên quan

<i>Phải thu</i>	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Mua Bán Điện	127.994.853.640	85.597.271.243
Cộng	127.994.853.640	85.597.271.243

<i>Phải trả</i>	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	3.059.381.354	5.128.571.594
Trong đó:		
- Phải trả về tiền Văn phòng Dự án	2.899.863.781	2.929.941.622
- Phải trả khác	159.517.573	159.517.573
- Tài sản tạm tăng	-	2.039.112.399
Cộng	3.059.381.354	5.128.571.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, nhằm mục đích so sánh với Báo cáo tài chính này.



Phạm Ngọc Hòa

Tổng Giám đốc

Ninh Bình, ngày 08 tháng 03 năm 2011

Lương Quang Việt

Kế toán trưởng